TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/HS-ST
Ngày: 09/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Khả Tú

Bà Võ Thị Thanh Thu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Chung Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/HSST-QĐ ngày 10/02/2026 đối với bị cáo:

Đỗ Thanh K - sinh năm: 1963 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số 079063022929; Giới tính: Nam; Thường trú: 9/2/17 Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: 307/2 Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Thanh T và bà Nguyễn Thị H (chết); Bị cáo có vợ nhưng chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/4/1985, bị Toà án quận G, TP . xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản riêng của công dân" theo Bản án số 03/HSST; Ngày 19/12/1989, Ủy ban nhân dân quận G, TP . ban hành Quyết định cưỡng bức lao động số 383/QĐ-UB với thời hạn 12 tháng kể từ ngày 07/12/1989 đến 07/12/1990; Ngày 12/11/1992 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo Bản án số 92/HSST; Ngày 28/4/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo Bản án số 38/HSST; Ngày 17/5/2000, bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và 02 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân" theo Bản án số 41/HSST. Ngày 22/04/2016, bị Toà án Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo Bản án số 35/HSST; Bị cáo bị bắt ngày 26/9/2025, bị tạm giam tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam Số 2 - Công an Thành phố H; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Đặng Thị Ngọc T1, sinh năm 1985, CCCD số 079185008914 (vắng mặt)

Địa chỉ: 4, Ấp B, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Hoàng Trung K1, sinh năm 1984, CCCD số 026084006430

Địa chỉ: A N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 07/7/2025, Đỗ Thanh K điều khiển xe gắn máy Yamaha Sirius biển số 59V2-866.49 đến quán cà phê tại địa chỉ 4 ấp B, xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh do bà Đặng Thị Ngọc T1 làm chủ để uống cà phê. Khoảng 05 phút sau, bà T1 chở con đi học, có nhờ bà Đặng Thị V trông quán giúp nên K lợi dụng lúc bà V sơ hở đã lén lút đi vào trong nhà lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax 256GB màu vàng đang sạc trên kệ của bà Đặng Thị Ngọc T1. Sau đó, K ra ngoài thanh toán tiền ly cà phê cho bà V rồi điều khiển xe gắn máy biển số 59V2-866.49 bỏ đi. Trên đường đi, K ghé tiệm điện thoại di động Bảo N tại địa chỉ B T, Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh bán chiếc điện thoại trên cho ông Hoàng Trung K1 với giá 1.600.000 đồng. Khi bán điện thoại cho K1, K nói điện thoại do được người quen cho nhưng không nhớ mật khẩu. Sau khi bán, K đã tiêu xài cá nhân hết 500.000 đồng.

Do bận việc gia đình nên đến ngày 09/7/2025 bà T1 mới đến trình báo vụ việc tại Công an xã Đ. Đến 16 giờ ngày 09/7/2025, tại Công an xã Đ, Đỗ Thanh K khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tiến hành làm việc với ông Hoàng Trung K1, được biết khoảng 10 giờ ngày 07/7/2025 ông K1 có mua của Khiết 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 256GB màu vàng, bị vỡ ở góc dưới bên trái màn hình với giá 1.600.000 đồng. K1 khai nhận khi mua không biết chiếc điện thoại do K trộm cắp mà có.

Ngày 29/8/2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp thành phố - Ủy ban nhân dân Thành phố H có Bản kết luận số 4349/KL-HĐĐGTS kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax dung lượng 256GB, màu vàng, đã qua sử dụng, trị giá 12.333.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm có: 1.100.000 đồng do K tự nguyện nộp lại; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 12 Promax màu Gold do ông Hoàng Trung K1 tự nguyện nộp lại; 01 xe gắn máy biển số 59V2-866.49 bà Trần Thị N1 tự nguyện giao nộp; 01 bộ quần áo của K mặc khi thực hiện hành vi.

Ngày 25/11/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu Gold cho bà T1.

Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59V2-866.49 là xe của bà Trần Thị N1 (vợ K). Bà N1 khai mua lại chiếc xe trên của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 6.500.000 đồng vào năm 2023 tại chợ B. Khi mua xe, bà N1 chỉ lấy giấy đăng ký xe, không làm giấy tờ mua bán. Trong lúc đi chợ, bà N1 đã làm mất giấy đăng ký xe và do không chính chủ nên không làm lại được giấy đăng ký xe. Qua điều tra xác minh được biết chiếc xe là loại xe hiệu Yamaha Sirius (biển số 59V2-866.49 là biển số giả) có số máy: E3X9E385102, số khung: 3220JY084296 có biển số thật là 77H1-350.65, chủ sở hữu là bà Từ Thị Đ. Chiếc xe trên đã bị mất trộm

vào ngày 18/7/2023 tại Công ty H1, địa chỉ 6 L, phường A, quận G (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã bàn giao chiếc xe cho Công an phường A để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với biển số 59V2-866.49 qua điều tra xác minh được biết thuộc chiếc xe Honda Wave RS màu đỏ đen của anh Nguyễn Hiếu T2. Anh T2 đã bán chiếc xe trên cho 1 người đàn ông vào năm 2018, có sang tên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm và đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp của biển số 59V2-866.49.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bà Đặng Thị Ngọc T1 đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì khác. Ông Hoàng Trung K1 đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động do Đỗ Thanh K bán, đồng ý cho bị cáo số tiền 1.600.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 05/01/2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi của bị cáo đối với người bị hại và đối với xã hội đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, 01 quần đùi màu đen, 01 biển số xe máy số 59V2-866.49, trả cho bị cáo số tiền 1.100.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 07/7/2025, Đỗ Thanh K điều khiển xe gắn máy Yamaha Sirius biển số 59V2-866.49 đến quán cà phê tại địa chỉ 4 ấp B, xã Đ,

thành phố Hồ Chí Minh do bà Đặng Thị Ngọc T1 làm chủ để uống cà phê. Khoảng 05 phút sau, bà T1 chở con đi học, có nhờ bà Đặng Thị V trông quán giúp nên K lợi dụng lúc bà V sơ hở đã lén lút đi vào trong nhà lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax 256GB màu vàng đang sạc trên kệ của bà Đặng Thị Ngọc T1 rồi bỏ đi. Căn cứ kết quả định giá, điện thoại di động mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 12.333.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành của tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Đối với ông Hoàng Trung K1 khi mua điện thoại của bị cáo không biết tài sản đó do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7.2] Ông Hoàng Trung K1 đồng ý cho bị cáo số tiền 1.600.000 đồng. Bị cáo đồng ý đối với ý kiến này của ông K1. Hội đồng xét xử nhận định đây là ý chí tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, 01 quần đùi màu đen, 01 biển số xe máy số 59V2-866.49: Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu và tiêu hủy.

[8.2] Đối với số tiền 1.100.000đồng: Hội đồng xét xử quyết định trả cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025):

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh K 1 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2025.

2. Căn cứ điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, 01 quần đùi màu đen, 01 biển số xe máy số 59V2-866.49.

Trả cho bị cáo số tiền 1.100.000đồng.

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo được miễn án phí.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV8-TP.HCM;
- PV06 - Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV8 – TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam